SAO Y; Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông; Thời gian ký: 29/12/2022 08:18:39 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2211/QĐ-UBND	*Đắk Nông, ngày 28 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2023-2027

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế -xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông tại Tờ trình số 1356/TTr-BDT ngày 27/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2023-2027 gồm 309 người (293 nam, 16 nữ). Chi tiết có danh sách kèm theo.

Điều 2. Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông được phê duyệt tại Quyết định này được hưởng chế độ chính sách theo quy định hiện hành kể từ ngày 01/01/2023.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Đắk Nông, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Dân tộc (B/c);
- Bộ Tài chính (B/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Sở Nội vụ;
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC, KGVX (T).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Trọng Yên

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ UY TÍN TRONG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH ĐẮK NÔNG GIAI ĐOẠN 2023-2027

TT	Đơn vị/Họ và tên	Tổng số	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú	Thành phần người có uy tín											Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ văn hóa	Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn,bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Sư sãi, chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng, thầy lang, bà bóng	Thầy giáo, thầy thuốc, nhà sĩ	Người sản xuất kinh doanh giỏi	Thành phần khác	Đảng viên	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
Toàn tỉnh		**309**	**293**	**16**				**25**	**3**	**57**	**16**	**6**	**0**	**2**	**3**	**198**	**53**	
A. Huyện Đắk R'Lấp		**22**	**20**	**2**				**2**	**0**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**17**	**2**	
I	**Xã Đắk Ru**	**5**	**5**	**0**				**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**		**4**	**1**	
1	Hồ A Sáng		1984		Hoa	Tân lợi	9/12									x		
2	Nguyễn Đức Thể		1952		Mường	Tân lập	10/10									x	x	
3	Điểu Gơu		1949		M'Nông	Bon Sê Rê I	5/10	x										
4	Y N'Diơh				M'Nông	Bon Bu Sê rê II	2/12									x		
5	Hoàng Pồ Dóng		1957		Hoa	Thôn 8- Đăk Ru	7/10									x		
II	**Xã Hưng Bình**	**1**	**1**	**0**				**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**		
1	Điểu Ben		1965		M'Nông	Bon châu mạ	3/12									x		
III	**Xã Nghĩa Thắng**	**1**	**1**	**0**				**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**		
1	Điểu Nhiêng		1958		M'Nông	Bon Bu Za Rá		x										
IV	**Xã Nhân Đạo**	**1**	**0**	**1**				**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**		
1	H'Yon			1970	M'Nông	Bon PiNao	9/12									x		
V	**Xã Nhân Cơ**	**2**	**2**	**0**				**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**2**		
1	Điểu N'Tơi		1942		M'Nông	Bon Bu Dấp										x		
2	Y Đời		1968		M'Nông	Thôn 5										x		
VI	**Xã Đắk Wer**	**4**	**4**	**0**				**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3**		
1	Dương Văn Ba		1963		Hoa	Thôn 10										x		
2	Phương Trường Giang		1955		Tày	Thôn 15										x		
3	Vương Văn Phu		1968		Tày	Thôn 16										x		

TT	Đơn vị/Họ và tên	Tổng số	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú	Thành phần người có uy tín											Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ văn hóa	Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn,bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Sư sãi, chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng, thầy lang, bà bóng	Thầy giáo, thầy thuốc, nhà sĩ	Người sản xuất kinh doanh giỏi	Thành phần khác	Đảng viên	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
4	Điểu K'Đum		1966		M'Nông	Bon Bu N'Doh				x								
VII	**Xã Quảng Tín**	**7**	**6**	**1**				**0**	**0**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5**	**1**	
1	Chu Văn Hiện		1979		Nùng	Thôn 5	9/12			x							x	
2	Trần Ngọc Quang		1988		Hoa	Thôn 6	9/12									x		
3	Tô Văn Sinh		1964		Sán Dìu	Thôn 8	5/12									x		
4	Điểu K'Ré		1967		M'Nông	Bubir	7/12									x		
5	Điểu M'Bông		1950		M'Nông	Đăng K'liêng	4/10			x								
6	Điểu Má		1964		M'Nông	Ol-BuTung	5/12									x		
7	Thị Yớt			1971	M'Nông	BuĐách										x		
VIII	**Thị Trấn Kiến Đức**	**1**	**1**	**0**				**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**		
1	Điểu Xem		1964		M'Nông	Bon Đăk Blao										x		
B	**Huyện Đắk Glong**	**52**	**51**	**1**				**3**	**0**	**8**	**1**	**0**	**0**	**0**	**1**	**39**	**0**	
I	**Xã Đắk Som**	**9**	**9**	**0**				**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**9**		
1	K' Brê		1946		Mạ	Bon B'Srê A										x		
2	K'Lông		1972		Mạ	Bon B'Dơng										x		
3	K'La		1940		Mạ	Bon B'Srê B										x		
4	K' Bêu		1965		Mạ	Bon Păng So										x		
5	K' Biêng		1940		Mạ	Bon B'Nơr										x		
6	Sùng A Chư		1979		Mông	Thôn 1										x		
7	Vàng Tráng Di		1962		Mông	Thôn 2										x		
8	Lù A Tống		1969		Mông	Thôn 3										x		
9	Thào A Sự		1973		Mông	Thôn 4										x		

TT	Đơn vị/Họ và tên	Tổng số	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú	Thành phần người có uy tín											Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ văn hóa	Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn,bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Sư sãi, chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng, thầy lang, bà bóng	Thầy giáo, thầy thuốc, nha sĩ	Người sản xuất kinh doanh giỏi	Thành phần khác	Đảng viên	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
II	**Xã Đắk P'lao**	**5**	**4**	**1**				**0**	**0**	**2**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**2**		
1	K'Lớ		1964		Mạ	Bon B'Nơm Păng Răh										x		
2	K'Lanh		1959		Mạ	Bon B'Plao					x							
3	K'Tộch		1960		Mạ	Bon B'Tong										x		
4	Nông Thị Liên			1979	Tày	Thôn 4				x								
5	Giàng A Sỳ		1972		Mông	Thôn 5				x								
III	**Xã Quảng Khê**	**9**	**9**	**0**				**1**	**0**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**4**		
1	K' Huônh		1959		Mạ	Bon Ka La Dơng				x								
2	K'Krang		1954		Mạ	Bon Phi Mur				x								
3	K'Ong		1940		Mạ	Bon Ka Nur		x										
4	K' Chiớ		1939		Mạ	Bon Sar Diêng										x		
5	K' Lôi		1956		Mạ	Bon Ka La Yu										x		
6	K'Kia		1955		Mạ	Bon Sar Ú				x								
7	Chạc Nàm Giểng		1949		Hoa	Thôn Quảng Long										x		
8	K'Sớ		1965		Mạ	Bon B'Dơng				x								
9	K' Siêng		1967		Mạ	Bon R' Dạ										x		
IV	**Xã Đắk Ha**	**6**	**6**	**0**				**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**4**		
1	K'Trơi		1950		M'Nông	Bon Ting Wel Đăng (T1)		x										
2	Sầm Minh Đông		1957		Tày	Bon Kon Hao (T2)										x		
3	Hoàng Kim Anh		1947		Tày	Thôn 3										x		
4	Mông Văn Trưởng		1955		Nùng	Thôn 4										x		

TT	Đơn vị/Họ và tên	Tổng số	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú	Thành phần người có uy tín											Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ văn hóa	Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn,bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Sư sãi, chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng, thầy lang, bà bóng	Thầy giáo, thầy thuốc, nhà sĩ	Người sản xuất kinh doanh giỏi	Thành phần khác	Đảng viên	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
5	Hạng A Dê		1962		Mông	Thôn 5										x		
6	Nguyễn Văn Danh		1973		Tày	Thôn 8									x			
V	**Xã Quảng Hòa**	**6**	**6**	**0**				**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5**		
1	Dương Văn Hoạt		1975		Tày	Thôn 6										x		
2	Long Hồng Trường		1957		Tày	Thôn 7				x								
3	Vi Văn Sắc		1950		Mường	Thôn 8										x		
4	Lò Văn Vinh		1969		Thái	Thôn 9										x		
5	Trương Văn Can		1982		Mông	Thôn 11										x		
6	Lù A Phà		1970		Mông	Thôn 12										x		
VI	**Xã Đắk R'Măng**	**7**	**7**	**0**				**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**6**		
1	K' Ly		1941		M'Nông	Thôn 1		x										
2	K'Krang		1969		M'Nông	Thôn 2										x		
3	K'N Đắk		1969		M'Nông	Thôn 3										x		
4	Hà Quang Cộng		1963		Thái	Thôn 4										x		
5	Giàng A Phần		1974		Mông	Thôn 5										x		
6	Vàng Seo Sử		1968		Mông	Thôn 6										x		
7	Hầu Seo Mùa		1988		Mông	Thôn 7										x		
VII	**Xã Quảng Sơn**	**10**	**10**	**0**				**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**9**		
1	Y'Drông		1957		M'Nông	Bon R'long Phê										x		
2	Y' NDă		1967		M'Nông	Bon Phi Glê				x								
3	Y'Long		1950		M'Nông	Bon Bu Sir										x		
4	K'Kril		1945		M'Nông	Bon NTing										x		
5	Y'Liêng		1962		M'Nông	Bon NDoh										x		

TT	Đơn vị/Họ và tên	Tổng số	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú	Thành phần người có uy tín											Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ văn hóa	Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn,bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Sư sãi, chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng, thầy lang, bà bóng	Thầy giáo, thầy thuốc, nha sĩ	Người sản xuất kinh doanh giỏi	Thành phần khác	Đảng viên	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
6	Y'Bang		1952		M'Nông	Bon R'bút										x		
7	K'Prek		1958		M'Nông	Bon Sa Nar										x		
8	Lương Văn Chúng		1953		Nùng	Thôn 4										x		
9	Thào A Câu		1954		Mông	Thôn Đắk S'Nao										x		
10	Giàng A Lỳ		1967		Mông	Thôn Đắk S'Nao 2										x		
C	**Huyện Đắk Mil**	**33**	**33**	**0**				**2**	**0**	**5**	**2**	**1**	**0**	**0**	**0**	**23**	**7**	
I	**Xã Đắk Gằn**	**5**	**5**					**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5**	**3**	
1	Hứa Văn Trường		1964		Nùng	Bản Cao Lạng	7/12									x	x	
2	Y Srao		1960		M'Nông	Bon Đắk Gằn	9/12									x	x	
3	Y- Khôi		1959		M'Nông	Bon Đắk Láp	5/10									x	x	
4	Y - Huôn Kpơi		1963		M'Nông	Bon Đắk Krai	5/12									x		
5	Y - Mhach		1962		M'Nông	Bon Đắk Sra	5/12									x		
II	**Xã Đắk R'la**	**8**	**8**	**0**				**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**8**	**0**	
1	Nông Hùng Phong		1954		Nùng	Thôn 1	7/10									x		
2	Dương Văn Viên		1974		Tày	Thôn 4	9/12									x		
3	Nông Văn Ram		1950		Nùng	Thôn 5	5/10									x		
4	Lang Cao Thứa		1960		Thái	Thôn 7	5/10									x		
5	Lâm Văn Thồ		1949		Nùng	Thôn 8	5/10									x		
6	Triệu Văn Thanh		1965		Dao	Thôn 9	5/12									x		
7	Hoàng Văn Chò		1963		Nùng	Thôn 10	5/12									x		
8	Lầu Văn Dịnh		1965		Mông	Thôn Năm tầng	5/12									x		
III	**Xã Đắk N'Drót**	**9**	**9**	**0**				**0**	**0**	**2**	**1**	**1**	**0**	**0**	**0**	**4**	**3**	

TT	Đơn vị/Họ và tên	Tổng số	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú	Thành phần người có uy tín											Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ văn hóa	Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn,bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Sư sãi, chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng, thầy lang, bà bóng	Thầy giáo, thầy thuốc, nha sĩ	Người sản xuất kinh doanh giỏi	Thành phần khác	Đảng viên	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
1	Đặng Hữu Cảnh		1978		Dao	Thôn 3	6/12										x	
2	Ê Ban Pheng		1960		M' Nông	Thôn 4	10/10				x						x	
3	Sào Nguyên Phúc		1961		Dao	Thôn 5	4/10									x		
4	Phổng Chăn Phin		1971		Dao	Thôn 6	9/12					x					x	
5	Hứa Văn Thông		1969		Nùng	Thôn 7	8/10											x
6	Lăng Đức Cường		1965		Nùng	Thôn 8	9/10			x								
7	Triệu Tiến Thìn		1977		Dao	Thôn 9	5/12			x							x	
8	Y- Phé		1970		M'Nông	Bon Đắk Me	4/10										x	
9	Y- Dêt		1974		M'Nông	Bon Đắk La	3/12										x	
IV	**Xã Long Sơn**	**4**	**4**	**0**				**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**4**		
1	Hoàng Văn Hóa		1970		Tày	Thôn Tây Sơn	9/12									x		
2	Triệu Tiến An		1954		Dao	Thôn Tân Sơn	7/10									x		
3	Hoàng Quốc Tiến		1958		Dao	Thôn Nam Sơn	3/10									x		
4	Vương Văn Đức		1955		Nùng	Thôn Đông Sơn	7/10									x		
V	**Xã Đắk Sắk**	**2**	**2**	**0**				**0**	**0**	**1**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	
1	Y - Tơn		1962		M'Nông	Bon Đắk Sắk	6/12			x							x	
2	Y - Mới		1943		M'Nông	Bon Đắk Mâm	9/10				x							
VI	**Xã Đức Minh**	**1**	**1**	**0**				**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**		
1	Y Sêr		1962		M'Nông	Bon Jun Juh	6/12			x						x		
VII	**Xã Thuận An**	**2**	**2**	**0**				**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**		
1	Y Yăm		1930		M'Nông	Bon Bu Đắk	6/10	x										
2	Y - Tanh		1942		M'Nông	Bon Sa Pa	6/10	x										
VIII	**Xã Đắk Lao**	**1**	**1**	**0**				**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**		

TT	Đơn vị/Họ và tên	Tổng số	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú	Thành phần người có uy tín											Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ văn hóa	Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn,bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Sư sãi, chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng, thầy lang, bà bóng	Thầy giáo, thầy thuốc, nha sĩ	Người sản xuất kinh doanh giỏi	Thành phần khác	Đảng viên	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
1	Lương Văn Thụ		1968		Tày	Thôn Đắk Thuỷ										x		
IX	**Xã Đức Mạnh**	**1**	**1**	**0**														
1	Triệu Sinh Tiến		1976		Dao	Thôn Đức Bình	12/12			x							x	
D	**Huyện Đắk Song**	**20**	**18**	**2**				**3**	**0**	**1**	**3**	**2**	**0**	**0**	**2**	**10**	**9**	
I	**Xã Trường Xuân**	**8**	**8**	**0**				**1**	**0**	**0**	**2**	**2**	**0**	**0**		**3**	**2**	
1	Y Vê		1958		M'Nông	Bon Dinh Plei	10/10				x						x	
2	Điểu Nanh		1979		M'Nông	Bon N'Jang Bơ	7/12					x						
3	Y Nham		1969		M'Nông	Bon Bu Păh	5/10					x						
4	Điểu Srêng		1963		M'Nông	Bon Jang Plây 3	9/12				x						x	
5	Y Krah		1951		M'Nông	Bon Păng Sim	5/10	x										
6	Điểu M'Bêng		1962		M' Nông	Bon TaMung	5/10									x		
7	Nông Văn Xếp		1984		Nùng	Thôn 6	5/12									x		
8	Lang Thanh Huệ		1966		Thái	Thôn 10	5/10									x		
II	**Xã Đắk N'Drung**	**5**	**3**	**2**				**1**	**0**	**1**	**1**	**0**	**0**	**0**		**3**	**3**	
1	Điểu Ngót		1948		M'Nông	Bon Bu Rwăh		x								x		
2	Điểu Yơk		1966		M'Nông	Bon Bu Boong	5/10									x		
3	Điểu Kêu		1965		M'Nông	Bon Bu N'Drung	12/12			x	x						x	
4	Thị Rơi			1964	M'Nông	Bon N'jrang Lu	Trung cấp										x	

TT	Đơn vị/Họ và tên	Tổng số	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú	Thành phần người có uy tín											Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ văn hóa	Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn,bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Sư sãi, chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng, thầy lang, bà bóng	Thầy giáo, thầy thuốc, nhà sĩ	Người sản xuất kinh doanh giỏi	Thành phần khác	Đảng viên	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
5	Lãnh Thị Như			1967	Tày	Thôn Đăk R'mo	12/12									x	x	
III	**Xã Nâm N'Jang**	**1**	**1**	**0**				**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**		
1	Hoàng Văn Nhọm		1950		Nùng	Bản Đắk Lép									x			
IV	**Xã Thuận Hà**	**2**	**2**	**0**				**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**		
1	Hoàng Thanh Quý		1973		Dao	Bản Đăk Thốt	5/10	x										
2	Lý A Bảo		1965		Dao	Bản Đầm Giỏ	5/10								x			
V	**Xã Đắk Môl**	**4**	**4**	**0**				**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**4**	**4**	
1	Y - Kiơh		1952		M'Nông	Bon Ja Ri	6/10									x	x	
2	Y - Nhang Bu Trang		1954		M'Nông	Bon B'lân	4/10									x	x	
3	Y Srơng		1959		M'Nông	Bon Rlông	4/10									x	x	
4	Triệu Tồn Pao		1990		Dao	Thôn E 29	12/12									x	x	
E	**TP.Gia Nghĩa**	**9**	**9**	**0**				**6**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	**1**	**0**	
I	**Xã Đắk Nia**	**6**	**6**	**0**				**5**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**		
1	Trương Minh Tỷ		1950		Nùng	Thôn Đắk Tân	7/10							x				
2	K'Sung B		1963		Mạ	Bon Bu Sóp	6/10	x										
3	K'Krong		1953		Mạ	Bon N'Jriêng	5/10	x										
4	K'Ngul		1949		Mạ	Bon Ting Wel Đơm	5/10	x										
5	K' Nhôi		1956		Mạ	Bon Srê Ú	3/10	x										
6	Y' Bông		1959		M'nông	Bon Phai Kol Pru Đăng	5/10	x										
II	**Xã Đắk R'Moan**	**1**	**1**	**0**				**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**		
1	Điểu Nham		1967		M'Nông	Bon Đắk R'Moan	6/12			x								
III	**Phường Nghĩa Tân**	**1**	**1**	**0**				**1**	**0**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**		

TT	Đơn vị/Họ và tên	Tổng số	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú	Thành phần người có uy tín											Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ văn hóa	Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn,bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Sư sãi, chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng, thầy lang, bà bóng	Thầy giáo, thầy thuốc, nha sĩ	Người sản xuất kinh doanh giỏi	Thành phần khác	Đảng viên	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
1	Y'Yơng		1936		M'Nông	Bon Phăng Kol		x										
IV	**Phường Quảng Thành**	**1**	**1**	**0**												**1**		
1	Tô Tiến Chung		1982		Nùng	TDP Nghĩa Thắng	11/12									x		
G	**Huyện Krông Nô**	**52**	**50**	**2**				**6**	**0**	**9**	**3**	**1**	**0**	**1**	**0**	**32**	**14**	
I	**Xã Quảng Phú**	**6**	**6**	**0**				**1**		**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**2**	**0**	
1	Y Nú		1937		Ê Đê	Thôn Phú Xuân	4/12	x										
2	Y Krang		1958		M'Nông	Thôn Phú Sơn	7/12			x								
3	Y Ân		1965		M'Nông	Thôn Phú Lợi	9/12			x								
4	Vi Văn Phúc		1970		Thái	Thôn Phú Hòa	8/12			x								
5	Hà Văn Thắng		1956		Thái	Thôn Phú Vinh	7/12									x		
6	Y Bin Hdruế		1969		Ê Đê	Phú Trung	5/12									**x**		
II	**Xã Đắk Nang**	**4**	**3**	**1**				**0**	**0**	**1**	**1**	**1**	**0**	**0**	**0**	**1**	**2**	
1	Y Nham		1968		Ê Đê	Buôn Kruế	7/12					x						
2	Bùi Xuân Thiện		1959		Kinh	Thôn Phú Thịnh	9/12				x						x	
3	Trịnh Thị Hương			1963	Kinh	Phú tiến	9/12			x							x	
4	Hoàng Thái Phong		1953		Kinh	Phú Lợi	7/12									**x**		
III	**Xã Đức Xuyên**	**1**	**1**	**0**				**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	
1	Y Sú		1975		M'Nông	Buôn Choih	4/12									x		
IV	**Xã Nâm Nung**	**6**	**6**	**0**				**1**	**0**	**1**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3**	**3**	
1	Y' Dang		1969		M'Nông	Bon R'Cập	4/12				x							
2	Y Xuyên		1954		M'Nông	Bon Ja Rah	'5/12	x									**x**	

TT	Đơn vị/Họ và tên	Tổng số	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú	Thành phần người có uy tín											Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ văn hóa	Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn,bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Sư sãi, chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng, thầy lang, bà bóng	Thầy giáo, thầy thuốc, nha sĩ	Người sản xuất kinh doanh giỏi	Thành phần khác	Đảng viên	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
3	Vi Văn Cứ		1965		Thái	Thôn Thành Thái	7/12									x	x	
4	Y Kêu		1981		M'Nông	Bon Yok Ju	9/12									x	x	
5	Y Toán		1960		M'Nông	Nam Tiến	7/12									**x**		
6	Phùng Vần Piao		1969		Dao	Thôn Tân Lập	6/10			x								
V	**Xã Nâm N'Đir**	**6**	**6**	**0**				**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5**	**1**	
1	Lý Quang Sáng		1960		Dao	Thôn Quảng Hà	5/10									x		
2	Trương Chăn Thành		1962		Dao	Thôn Nam Thanh	4/10									x		
3	Lý Xuân Tươi		1954		Dao	Thôn Nam Tân	4/10									x		
4	Y Cham		1976		M'Nông	Bon Đăk Prí	4/10									x		
5	Hoàng Văn Sơn		1960		Dao	Thôn Nam Dao	6/10			x							x	
6	Lý Văn Sáu		1955		Dao	Thôn Nam Ninh	6/10									x		
VI	**Xã Đắk Drô**	**5**	**5**	**0**				**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**4**	**2**	
1	Y Thôi		1960		M'Nông	Buôn Ol	2/12									x		
2	Ngân Thị Xuyến		1963		Dao	Thôn E Sa Nô	10/10									x	x	
3	Y Bleng		1950		M'Nông	Buôn 9	2/12	x										
4	Y Hơn		1952		M'Nông	Buôn K62	6/12									x	x	
5	Hoàng Văn Phật		1976		Nùng	Đắk Tâm	5/12									**x**		
VII	**Xã Đắk Sôr**	**3**	**3**	**0**				**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**2**	**0**	
1	Ngô Văn Bạch		1969		Tày	Nam Cao	9/12			x								
2	Lý Văn Khao		1963		Tày	Đắk Cao	9/12									x		

TT	Đơn vị/Họ và tên	Tổng số	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú	Thành phần người có uy tín											Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ văn hóa	Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn,bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Sư sãi, chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng, thầy lang, bà bóng	Thầy giáo, thầy thuốc, nha sĩ	Người sản xuất kinh doanh giỏi	Thành phần khác	Đảng viên	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
3	Nông Thanh Hoạt		1959		Tày	Đăk Trung	7/10									x		
VIII	**Xã Buôn Choáh**	**4**	**4**	**0**				**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**4**	**0**	
1	Y Ngũl Ê Ban		1950		Ê Đê	Buôn Choah	4/12									x		
2	Hứa Văn Kiến		1939		Nùng	Thôn Cao Sơn	4/10									x		
3	Hoàng Công Định		1953		Tày	Thôn Ninh Giang	7/12									x		
4	Chu Văn Đài		1980		Tày	Thôn Thanh Sơn	10/12									x		
IX	**Xã Nam Đà**	**1**		**1**				**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	
1	Hoàng Thị Phùng			1972	Tày	Thôn Nam Tân	9/12									x		
X	**Xã Tân Thành**	**4**	**4**	**0**				**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	**1**	**1**	
1	Hà Vinh Quang		1937		Thái	Thôn Đắk Rô	7/10	x										
2	Lương Văn Hạnh		1978		Thái	Thôn Đắk Na	Đại học							x			x	
3	Triệu Kiềm Chình		1988		Dao	Thôn Đắk Lưu	4/10									x		
4	Đặng Chòi Hiền		1958		Dao	Thôn Đắk Ri	7/10	x										
XI	**Xã Nam Xuân**	**9**	**9**					**0**	**0**	**1**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**7**	**5**	
1	Vi Văn Thắng		1962		Thái	Thôn Nam Thanh	9/12			x							x	
2	Lương Hồng Quanh		1949		Thái	Thôn Đắk Thanh	7/12									x	x	
3	Lương Xuân Hội		1956		Thái	Thôn Đắk Xuân	7/10									x		
4	Lương Quang Trung		1960		Thái	Thôn Đắk Hợp	12/12				x						x	
5	Lương Văn Hiếu		1950		Tày	Thôn Thanh Sơn	7/10									x		
6	Hứa Nguyên Tài		1960		Nùng	Thôn Sơn Hà	6/10									x	x	

TT	Đơn vị/Họ và tên	Tổng số	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú	Thành phần người có uy tín											Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ văn hóa	Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn,bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Sư sãi, chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng, thầy lang, bà bóng	Thầy giáo, thầy thuốc, nhà sĩ	Người sản xuất kinh doanh giỏi	Thành phần khác	Đảng viên	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
7	Vi Đình Phương		1955		Thái	Thôn Lương Sơn	8/10									x		
8	Lang Thanh Huyền		1971		Thái	Thôn Đăk Sơn	9/12									x	x	
9	Lương Hồng Minh		1954		Thái	Thôn Đăk Hưng	7/10									x		
XII	**TT Đắk Mâm**	**3**	**3**	**0**				1	0	1	0	0	0	0	0	1	0	
1	Y Dơk		1950		M'Nông	Bon Broih	5/12	x										
2	Y DJôm Knul		1952		M'Nông	Bon Dru	6/12			x								
3	Y Ăng		1954		M'Nông	Bon Yôk Linh	5/12									x		
H	**Huyện Tuy Đức**	**44**	**44**	**0**				**3**	**0**	**3**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**37**		
I	**Xã Quảng Tân**	**8**	**8**	**0**				**0**	**0**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5**		
1	Điểu Hùng		1979		M'Nông	Bon BuNDong A	9/12			x							x	
2	Điểu N'janh		1696		M'Nông	Bon Mê Ra	7/12									x		
3	Điểu Ben		1967		M'Nông	Bon JaLú A	9/12			x							x	
4	Điểu Toan		1976		M'Nông	Bon Đăk NJút	9/12			x								
5	Liễu Văn Lý		1951		Hoa	Thôn Đắk Quoeng	5/12									x		
6	Điểu Thuyền		1949		M'Nông	Bon Jâng Kriêng	9/12									x		
7	Điểu Mum		1945		M'Nông	Bon Bu N'Dong B	7/12									x		
8	Điểu Tưn		1967		M'Nông	Bon Jalú B	9/12									x		
II	**Xã Quảng Tâm**	**3**	**3**	**0**				**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**		
1	Nông Văn Tăm		1953		Nùng	Thôn 4	4/10									x		
2	Triệu Văn Phin		1949		Dao	Thôn 5	4/10	x										

TT	Đơn vị/Họ và tên	Tổng số	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú	Thành phần người có uy tín											Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ văn hóa	Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn,bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Sư sãi, chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng, thầy lang, bà bóng	Thầy giáo, thầy thuốc, nhà sĩ	Người sản xuất kinh doanh giỏi	Thành phần khác	Đảng viên	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
3	Điểu Dơi		1964		M'Nông	Bon Bu N'Đơr B	4/10	x										
III	**Xã Đắk R'Tih**	**11**	**11**	**0**				**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**11**		
1	Điểu MBrong		1959		M'Nông	Bon Ja lú	9/12									x		
2	Điểu Kim		1951		M'Nông	Bon Bu Mlanh A	5/12									x		
3	Điểu Tôn		1987		M'Nông	Bon Bu Mlanh B	12/12									x		
4	Điểu N'Đai		1969		M'Nông	Bon Rơ Muôn	6/12									x		
5	Y Đa		1972		M'Nông	Bon Diêng	[illegible]									x	x	
6	Điểu N'Gai		1966		M'Nông	Bon Bu Dơng	9/12									x		
7	Điểu Mpinh		1972		M'Nông	Bon Me Ra	7/12									x		
8	Điểu Dơi		1967		M'Nông	Bon Bu Đách	7/12									x		
9	Điểu Kil		1950		M'Nông	Bon Bu Kóh										x		
10	Điểu Phước		1982		M'Nông	Bon Bu NĐơr A	4/12									x		
11	Nông Văn Phùng		1963		Tày	Thôn Doãn Văn	7/10									x		
IV	**Xã Quảng Trực**	**11**	**11**	**0**				**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**10**		
1	Điểu Sranh		1958		M'Nông	Bon Bu Nung	5/10									x		
2	Điểu Ngăm		1961		M'Nông	Bon Bon Bu Gia	5/10									x		
3	Điểu DjRêng		1947		M'Nông	Bon Bu Sóp	4/10									x		
4	Hoàng Xuân Chúc		1950		M'Nông	Bon Đăk Huýt	7/10									x	x	
5	Điểu Kha		1980		M'Nông	Bon Bu Lum	5/12									x		
6	Điểu Lé		1972		M'Nông	Bon Bu Krắk	6/12					x						

TT	Đơn vị/Họ và tên	Tổng số	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú	Thành phần người có uy tín											Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ văn hóa	Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn,bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Sư sãi, chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng, thầy lang, bà bóng	Thầy giáo, thầy thuốc, nhà sĩ	Người sản xuất kinh doanh giỏi	Thành phần khác	Đảng viên	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
7	Điểu Toi		1958		M'Nông	Bon Bu Prăng 1	5/10									x	x	
8	Điểu Plôn		1952		M'Nông	Bon Bu Prăng 2	5/10									x		
9	Điểu Khăn		1975		M'Nông	Bon Bu Prăng 1A	5/12									x		
10	Điểu KRúch		1974		M'Nông	Bon Bu Dăr	9/12									x		
11	Điểu El		1969		M'Nông	Bon Bu Prăng 2A	5/10									x		
V	**Xã Đắk Ngo**	**9**	**9**	**0**				**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**9**		
1	Điểu Wăn		1950		M'nông	Bon Phi Lơ Te 1	9/12									x		
2	Điểu Lanh		1953		M'nông	Bon Phi lơ te	5/12									x		
2	Điểu Xoong		1974		M'nông	Bon Điêng Đu	7/12									x		
4	Sùng A Vảng		1968		Mông	Bản Si Át	5/12									x		
5	Ma Seo Vảng		1963		Mông	Bản Sín Chải										x		
6	Hạng A Tùng		1972		Mông	Bản Tân Lập	7/12									x		
7	Tráng A Thào		1978		Mông	Bản Đoàn Kết										x		
8	Hạng Seo Lao		1977		Mông	Bản Ninh Hòa										x		
9	Giàng A Tú		1981		Mông	Bản Giang Châu	5/12									x		
VI	**Xã Đắk Búk So**	**2**	**2**	**0**				**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**		
1	Điểu Gay		1945		M'Nông	Bon ND Rung	6/10	x										
2	Điểu Hùng		1955		M'Nông	Bon Bu Boong	5/10									x		
I	**Huyện Cư Jút**	**77**	**68**	**9**				**0**	**3**	**27**	**7**	**1**	**0**	**0**	**0**	**39**	**21**	
I	**Thị trấn EaTling**	**4**	**4**	**0**				**0**	**0**	**0**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**1**	
1	K Bai		1958		Mạ	Bon U1	12/12				x						x	

TT	Đơn vị/Họ và tên	Tổng số	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú	Thành phần người có uy tín											Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ văn hóa	Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn,bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Sư sãi, chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng, thầy lang, bà bóng	Thầy giáo, thầy thuốc, nhà sĩ	Người sản xuất kinh doanh giỏi	Thành phần khác	Đảng viên	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
2	Y Kim Ya		1987		M'Nông	Bon U2	12/12									x	0	
3	Y Kroăk Ya		1950		M'Nông	Bon U3	10/10				x						0	
4	Hoàng Văn Tòng		1952		Nùng	TDP 07	9/12				x						0	
II	**Xã Nam Dong**	**8**	**8**	**0**				**0**	**0**	**6**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**2**	
1	Hà Văn Mạnh		1975		Nùng	Thôn 04	5/10			x							0	
2	Vy Văn Thái		1962		Nùng	Thôn 05	10/10			x							0	
3	Lục Văn Dục		1968		Tày	Thôn 07	12/12			x							x	
4	Hoàng Mã Lộc		1963		Nùng	Thôn 08	10/10			x							0	
5	Nông Văn Hưu		1950		Tày	Thôn 09	10/10				x						x	Nghệ nhân
6	Vương Quốc Lãm		1961		Nùng	Thôn 10	7/10			x							0	
7	Nông Văn Thảo		1955		Tày	Thôn 12	7/10									x		
8	Hoàng Lục Phoóng		1954		Nùng	Thôn 15	10/10			x							0	
III	**Xã Trúc Sơn**	**1**	**0**	**1**				**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**1**	
1	Bế Thị Nơi			1969	Tày	Thôn 05	12/12									x	x	
IV	**Cư Knia**	**10**	**9**	**1**				**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**9**	**2**	
1	Lường Văn Hải		1961		Tày	Thôn 02	8/10									x	0	
2	Ngôn Thị Hạ			1947	Tày	Thôn 03	7/10				x						x	
3	Hoàng Văn Chăm		1967		Tày	Thôn 04	7/10									x	0	
4	Hà Văn Mêu		1950		Thái	Thôn 05	7/10									x	x	
5	Lý Văn Vàng		1975		Mông	Thôn 07	2/10									x	0	
6	Nông Văn Bến		1952		Tày	Thôn 08	7/10									x	0	
7	Hoàng Văn Hướng		1962		Mông	Thôn 9	4/12									x	0	
8	Dương Văn Vang		1958		Mông	Thôn 10	5/12									x	0	
9	Vi Văn La		1943		Nùng	Thôn 11	4/10									x	0	

TT	Đơn vị/Họ và tên	Tổng số	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú	Thành phần người có uy tín											Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ văn hóa	Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn,bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Sư sãi, chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng, thầy lang, bà bóng	Thầy giáo, thầy thuốc, nhà sĩ	Người sản xuất kinh doanh giỏi	Thành phần khác	Đảng viên	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
10	Lương Văn Nguyên		1967		Nùng	Thôn 12	7/10									x	0	
V	**Ea Pô**	**19**	**19**	0				**0**	**3**	**8**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**7**	**6**	
1	Chu Văn Giang		1964		Nùng	Tân Sơn	7/10			x							0	
2	Lang Văn Thắng		1961		Thái	Thanh Nam	9/10			x							0	
3	Hà Văn Nghiệm		1964		Thái	Thanh Tâm	12/12			x							x	
4	Hoàng Văn Kim		1968		Nùng	Cao Lạng	7/10									x	x	
5	Nông Văn Thụy		1979		Nùng	Ba Tầng	12/12			x							0	
6	Phùng Văn Sơn		1955		Nùng	Bình Minh	8/10									x	0	
7	Lương Văn An		1961		Mường	Thôn 01	7/10		x								0	
8	Cao Xuân Như		1966		Thái	Phú Sơn	7/12			x							x	
9	Nông Văn Coóng		1966		Nùng	Hợp Thành	12/12		x								0	
10	Vi Văn Dậu		1957		Nùng	Suối tre	6/10		x								x	
11	Lò Thanh Dưỡng		1957		Thái	Thanh Xuân				x							0	
12	Hà Văn Tưng		1956		Thái	Trung Sơn	7/10									x	0	
13	Phạm Văn Tý		1952		Thái	Hợp Tân	7/10									x	x	
14	Hà Văn Thích		1936		Thái	Đăk Thanh	7/10				x						x	
15	Nguyễn Kim Đình		1954		Tày	Tân Tiến	7/10									x	0	
16	Hoàng Văn Chiến		1968		Nùng	Bằng Sơn	7/10			x							0	
17	Đinh Công Điều		1974		Thái	Nam Tiến	9/12			x							0	
18	Đàm Quang Thịnh		1959		Tày	Quyết Tâm	8/10									x	0	
19	Vi Văn Thiếng		1970		Thái	Nam Thanh	7/10									x	0	
VI	**Đắk Drông**	**18**	**15**	**3**				**0**	**0**	**7**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**11**	**5**	
1	Hà Văn Trung		1970		Nùng	Cao Lạng	12/12									x	0	
2	Hoàng Văn Phừng		1965		Tày	Thôn 03	7/10			x							0	
3	Nông Văn Hải		1971		Nùng	Thôn 04	9/12									x	x	

TT	Đơn vị/Họ và tên	Tổng số	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú	Thành phần người có uy tín											Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ văn hóa	Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn,bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Sư sãi, chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng, thầy lang, bà bóng	Thầy giáo, thầy thuốc, nha sĩ	Người sản xuất kinh doanh giỏi	Thành phần khác	Đảng viên	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
4	Vi Văn Tựng		1962		Nùng	Thôn 05	5/10									x	0	
5	Nông Van Sắn		1961		Nùng	Thôn 06	7/10									x	0	
6	Chu Văn Hai		1974		Nùng	Thôn 07	9/12									x	0	
7	Hoàng Văn Dóng		1984		Nùng	Thôn 08	9/12			x							x	
8	Chu Văn Nghiệp		1960		Nùng	Thôn 09	7/10									x	0	
9	Hoàng Thị Phương			1964	Tày	Thôn 10	7/10			x							x	
10	Đinh Thị Viền			1971	Tày	Thôn 11	11/12			x							0	
11	Đặng Thị Hạnh			1963	Tày	Thôn 12	10/10			x								
12	Hoàng Tiến Dũng		1962		Tày	Thôn 13	10/10									x	0	
13	Sùng Văn Páo		1966		Mông	Thôn 15	5/10									x	0	
14	Đàm Văn Thịnh		1964		Nùng	Thôn 16	8/10			x							x	
15	Hoàng Văn Đội		1956		Nùng	Thôn 17	7/10			x							x	
16	Hầu Văn Sinh		1966		Mông	Thôn 19	12/12									x	0	
17	Hoàng Văn Dinh		1971		Mông	Thôn 20	5/12									x	0	
18	Y - Khía Ajul		1958		MNông	Bon U	5/10									x	0	
VII	**Đắk Wil**	**13**	**9**	**4**				**0**	**0**	**6**	**1**	**1**	**0**	**0**	**0**	**5**	**3**	
1	Lộc Đình Kim		1964		Nùng	Thôn 01	7/10									x	0	
2	La Thị Công			1972	Nùng	Thôn 02	12/12			x							x	
3	Dương Thị Dung			1973	Mông	Thôn 05	4/10					x					0	
4	Nguyễn Lục Nghĩa		1974		Tày	Thôn 06	12/12			x							x	
5	Hà Văn Thiệu		1986		Nùng	Thôn 07	9/12			x								
6	Hà Công Thắng		1966		Thái	Thôn 08	8/12									x	0	
7	Hứa Văn Bảy		1979		Nùng	Thôn 09	9/12									x	0	
8	Y Nuăn - Niê		1957		Ê đê	Buôn Knã	5/10			x							0	
9	Ngô Thị Hồng			1967	Thái	Buôn Trum	10/10									x	0	

TT	Đơn vị/Họ và tên	Tổng số	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú	Thành phần người có uy tín											Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ văn hóa	Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn,bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Sư sãi, chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng, thầy lang, bà bóng	Thầy giáo, thầy thuốc, nhà sĩ	Người sản xuất kinh doanh giỏi	Thành phần khác	Đảng viên	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
10	Lâm Thị Thuyến			1966	Tày	Hà Thông	10/10				x						x	
11	Triệu Dào Sơn		1950		Dao	Thái Học	6/10			x							0	
12	Bàn Dào Trình		1965		Dao	Đoàn Kết	5/10			x							0	
13	Thành Văn Bạo		1966		Nùng	Thôn 18	6/10									x	0	
VIII	**Tâm Thắng**	**4**	**4**	0				**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**4**	**1**	
1	Y Sim Êban		1957		Ê đê	Buôn Nui	7/12									x	0	Nghệ nhân
2	Y Tớt Ktul		1961		Ê đê	Buôn Buôr	6/12									x	0	
3	Y Taih Priêng		1962		Ê đê	Buôn Trum	6/12									x	x	
4	Y Tôn Knul		1965		Ê đê	Buôn Ea Pô	9/12									x	0	
Tổng danh sách: 309 người, trong đó: 293 nam, 16 nữ.																		